

Câu 1. Số 45 viết là

A. bốn mươi năm

B. bốn lăm

C. bốn lăm

D. bốn mươi lăm

Câu 2. Số gồm 7 chục và 3 đơn vị là số

A. 17

B. 37

C. 71

D. 73

Câu 3. Hình bên là

A. hình tam giác

B. hình chữ nhật

C. hình vuông

D. khối hộp chữ nhật



Câu 4. Sắp xếp các số sau theo thứ tự: 89, 2, 54, 32

a. Từ bé đến lớn:.....

b. Từ lớn đến bé:.....

Câu 5. Điền số ?

$56 + \dots = 67$

$\dots + 12 = 23$

$89 - \dots = 0$

$34 + \dots = 88$

$\dots + 21 = 36$

$94 - \dots = 72$

$28 + \dots = 59$

$\dots + 34 = 87$

$37 - \dots = 25$

Câu 6. Tính

$72 + 27 = \dots$

$12 + 34 = \dots$

$26 + 13 = \dots$

$28 + 61 = \dots$

$16 + 21 = \dots$

$76 - 22 = \dots$

$67 - 12 = \dots$

$56 - 34 = \dots$

$87 - 51 = \dots$

Câu 7. Điền dấu >, <, =

$23 \dots 43$

$12 + 12 \dots 24$

$54 - 14 \dots 43 - 10$

$82 \dots 29$

$38 \dots 78 - 23$

$72 + 21 \dots 92 - 12$

$28 \dots 20$

$23 + 35 \dots 29$

$17 + 23 \dots 45 + 12$

Câu 8. Tính

$32 \text{ cm} + 14 \text{ cm} = \dots$

$96 \text{ cm} - 32 \text{ cm} = \dots$

$21 \text{ cm} + 34 \text{ cm} = \dots$

$67 \text{ cm} - 12 \text{ cm} = \dots$

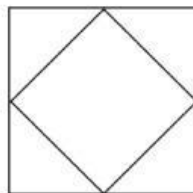
$67 \text{ cm} + 31 \text{ cm} = \dots$

$84 \text{ cm} - 52 \text{ cm} = \dots$

Câu 9. Cho hình bên

Có ... hình tam giác.

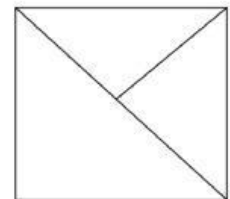
Có ... hình vuông.



Câu 12. Cho hình bên

Có ... hình tam giác.

Có ... hình vuông.



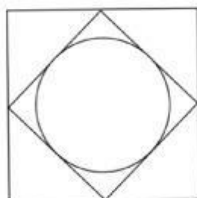
Câu 10. Đồng hồ chỉ ... giờ.



Câu 14. Đồng hồ chỉ ... giờ.



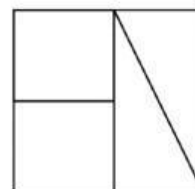
Câu 11. Cho hình bên
 Có ... hình tam giác.
 Có ... hình vuông.
 Có ... hình tròn.



Câu 12. Đồng hồ chỉ ... giờ.



Câu 16. Cho hình bên
 Có ... hình tam giác.
 Có ... hình vuông.
 Có ... hình chữ nhật.



Câu 18. Đồng hồ chỉ ... giờ.

